

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP X KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703

Fax: (84-4) 6278 0136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

Địa chỉ: 89 Nguyễn Huệ, P.1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (067) 3855356

Fax: (067) 3851250

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6426

Fax: (04) 3936 0262

Tp.HCM, tháng 08 năm 2014

THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

- Tên công ty : **Công ty cổ phần Docimexco**
- Địa chỉ : 89 Nguyễn Huệ, P.1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Vốn điều lệ hiện tại : 132.000.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi hai tỷ đồng*)
- Tổng số cổ phần : 13.200.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh : Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xe để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; Kinh doanh hàng thủy sản. Nuôi cá (nước mặn, ngọt, lợ); Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Khai thác cát, đất, đá. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Mua bán, xuất nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản; Buôn bán, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán, xuất nhập khẩu hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic, in bao bì các loại; Tái chế phế liệu kim loại; mua bán phế liệu, phế kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt; Mua bán, sửa chữa ô tô, xe máy.

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tổ chức chào bán cổ phần : **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty cổ phần Docimexco
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : 2.675.960 cổ phần (chiếm tỷ lệ **20,27%** vốn điều lệ)
- Phương thức chào bán : Bán đấu giá cả lô
- Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

3. Tổ chức Tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6426

Fax: (04) 3936 0262

Website: www.vcbs.com.vn



MỤC LỤC

| | | |
|------|---|----|
| I. | CĂN CỨ PHÁP LÝ | 3 |
| II. | CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 4 |
| 1. | Rủi ro về kinh tế..... | 4 |
| 1.1 | Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế | 4 |
| 1.2 | Rủi ro lạm phát..... | 5 |
| 1.3 | Rủi ro lãi suất..... | 6 |
| 2. | Rủi ro về luật pháp..... | 6 |
| 3. | Rủi ro cạnh tranh..... | 7 |
| 4. | Rủi ro của đợt chào bán | 7 |
| 5. | Rủi ro khác..... | 7 |
| III. | CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN..... | 9 |
| 1. | Tổ chức phát hành..... | 9 |
| 2. | Tổ chức tư vấn bán đấu giá..... | 9 |
| IV. | CÁC KHÁI NIỆM..... | 10 |
| V. | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY | 11 |
| 1. | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 11 |
| 1.1. | Quá trình hình thành và phát triển | 11 |
| 1.2. | Giới thiệu về Công ty..... | 11 |
| 1.3. | Cơ cấu vốn cổ phần..... | 12 |
| 1.4. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty | 13 |
| 1.5. | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành | 13 |
| 2. | Cơ cấu tổ chức của Công ty | 13 |
| 3. | Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty | 14 |
| 4. | Hoạt động kinh doanh..... | 17 |
| 4.1. | Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu | 17 |
| 4.2. | Các hợp đồng lớn đang thực hiện và ký kết..... | 17 |
| 4.3. | Cơ cấu doanh thu | 17 |
| 4.4. | Cơ cấu chi phí | 18 |
| 4.5. | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng. | 18 |



| | | |
|-------|--|----|
| 5. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất..... | 19 |
| 5.1. | Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm..... | 19 |
| 6. | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành..... | 21 |
| 6.1. | Triển vọng phát triển ngành kinh doanh gạo | 21 |
| 6.2. | Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới | 23 |
| 7. | Chính sách đối với người lao động | 23 |
| 7.1 | Cơ cấu lao động tại 31/03/2014 | 23 |
| 7.2 | Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi..... | 24 |
| 7.3 | Chính sách đào tạo và tuyển dụng | 24 |
| 8. | Chính sách cổ tức..... | 24 |
| 9. | Tình hình tài chính | 25 |
| 9.1. | Các chỉ tiêu cơ bản..... | 25 |
| 9.1.1 | Trích khấu hao TSCĐ | 25 |
| 9.1.2 | Thanh toán các khoản nợ đến hạn..... | 25 |
| 9.1.3 | Các khoản phải nộp theo luật định..... | 25 |
| 9.1.4 | Trích lập các quỹ theo luật định..... | 26 |
| 9.1.5 | Tình hình công nợ | 26 |
| 9.2. | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 27 |
| 10. | Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, Ban kiểm soát | 28 |
| 10.1. | Hội đồng quản trị | 28 |
| 10.2. | Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng..... | 28 |
| 10.3. | Ban kiểm soát..... | 29 |
| 11. | Tài sản..... | 29 |
| 12. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty: | 34 |
| VI. | THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN..... | 35 |
| 1. | Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá | 35 |
| 2. | Mục đích của việc chào bán..... | 36 |
| 3. | Địa điểm công bố thông tin..... | 36 |
| 4. | Điều kiện tham gia đấu giá, các quy định liên quan và phương án tổ chức | 37 |
| 5. | Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá..... | 38 |
| 6. | Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần..... | 38 |
| VII. | THAY LỜI KẾT | 40 |

**I CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010.
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;
- Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Thông tư 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam
- Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 11/4/2014 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Hợp đồng tư vấn giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-ĐTKDV ngày 05/08/2014 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại CTCP Docimexco.
- Theo chấp thuận và phê duyệt của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại công văn số 1755/ĐTKDV-CNPN ngày 05/08/2014 của SCIC về Hồ sơ bán đấu giá phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại CTCP Docimexco.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Rủi ro biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty cổ phần Docimexco nói riêng.

1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu lương thực thực phẩm cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu, giúp doanh nghiệp gia tăng doanh số và lợi nhuận.

Kết thúc năm 2013, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước có nhiều chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng GDP tăng 5,42% so với năm 2012, tuy thấp hơn mục tiêu đề ra là tăng 5,5%, nhưng cao hơn mức tăng của năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 6,04%, đánh dấu mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Với những nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát của Chính phủ đã tiếp tục đem lại cho nền kinh tế Việt Nam những kết quả tích cực trong 06 tháng đầu năm 2014: Tốc độ tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó quý I tăng 5,09%; quý II tăng 5,25%. Đây là mức tăng GDP cao so với mức tăng cùng kỳ năm 2012, 2013 và cả ba khu vực đều có mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm 2013: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,96%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,33, khu vực dịch vụ tăng 6,01%. Đây là những dấu hiệu tích cực, toàn diện về tăng trưởng của nền kinh tế. lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở tỷ lệ thấp hơn 5% trong 6 tháng đầu năm. Mặc dù từ tháng 3/2014 lạm phát có dấu hiệu tăng, nhưng lạm phát cơ bản (dựa trên CPI không bao gồm giá lương thực, thực phẩm, giá hàng hóa cơ bản và giá dịch vụ công) đã liên tục giảm kể từ tháng 10/2013. Chỉ số PMI ngành sản xuất sau khi đạt 52,1 điểm trong tháng 01/2014 đã tiếp tục tăng lên 52,5 điểm trong tháng 05/2014, đây là tháng thứ 9 liên tiếp chỉ số này trên ngưỡng 50 điểm với sự tăng trưởng tích cực từ phía sản lượng đầu ra, việc làm và số lượng đơn đặt hàng mới. Điều này cho thấy lĩnh vực sản xuất vẫn đang duy trì xu hướng mở rộng tích cực. Tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống tính đến ngày 23/5 đã đạt 1,31% so với cuối 2013, gấp đôi con số 0,62% tại thời điểm 22/4/2014. Mặc dù so với mục tiêu đề ra 12 -14% thì còn rất thấp nhưng đã có nhiều tích cực hơn. Tổng phương tiện thanh toán tăng 5,28%, huy động vốn tăng 4,2% so với cuối năm 2013. Thanh khoản của các tổ chức tín dụng tiếp tục đảm bảo. Các tín hiệu khả quan trên cho thấy nền kinh tế trong nước đang dần phục hồi và có dấu hiệu thoát đáy.

Bên cạnh đó, với nhiều nỗ lực vượt qua khó khăn, nền kinh tế thế giới đã và đang có nhiều dấu hiệu phục hồi rõ nét hơn đặc biệt là sự khởi sắc của các nền kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu, tuy tăng trưởng chậm nhưng bền vững hơn. Kinh tế thế giới năm 2014 được dự báo sẽ tăng trưởng 3,5%, tốt hơn năm 2013 (2,9%). Có nhiều lập luận cho sự tăng trưởng này, đó là: (i) Sự tăng trưởng nhanh hơn của các nền kinh tế phát triển; (ii) Sự ổn định của các nước mới nổi và (iii) Tiếp tục duy trì các chính sách kích thích kinh tế của ngân hàng



trung ương các nước. Tuy nhiên, kinh tế thế giới vẫn còn phải đối mặt với những thách thức khi các nước mới nổi và đang phát triển vẫn chưa thoát khỏi tình trạng tụt tụt nhất, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, khu vực châu Âu, đặc biệt là khu vực Eurozone đang phải đối mặt với tình trạng đình trệ tương tự như Nhật Bản trong những năm 1980-1998 khi rơi vào tình trạng tăng trưởng chậm và giảm phát.

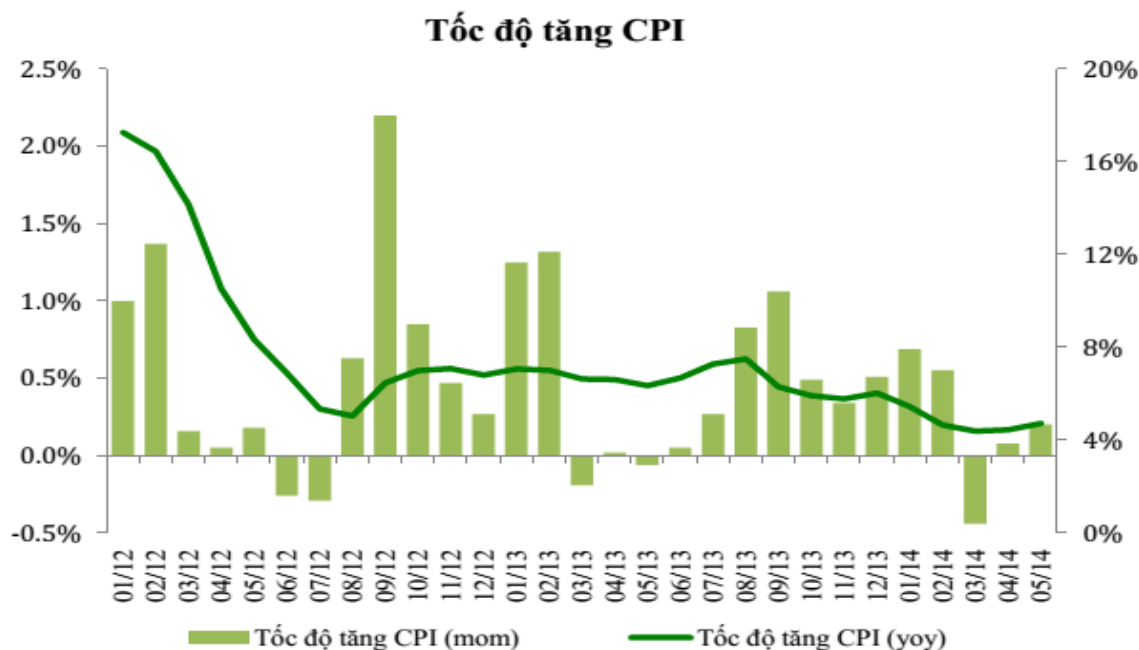
Nhìn chung, triển vọng tích cực của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới trong năm 2014 dự kiến sẽ mang lại những thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Docimexco nói riêng.

1.2 Rủi ro lạm phát

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào như giá xăng dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô.

Tình hình lạm phát trong 6 tháng đầu năm 2014 tiếp tục được kiểm soát ở tỷ lệ thấp hơn 5%. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2014 tăng 1,38% so với tháng 12/2013 và tăng 4,98% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân mỗi tháng trong 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 0,23%. Mặc dù từ tháng 3/2014 lạm phát có dấu hiệu tăng, nhưng lạm phát cơ bản (dựa trên CPI không bao gồm giá lương thực, thực phẩm, giá hàng hóa cơ bản và giá dịch vụ công) đã liên tục giảm kể từ tháng 10/2013. Theo dự báo của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (UBGSTCQG), từ nay đến cuối năm, nếu không có sự biến động về giá các mặt hàng cơ bản thì lạm phát cả năm 2014 sẽ ổn định ở mức 5%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng CPI



Nguồn: CEIC, VCBS tổng hợp

1.3 Rủi ro lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của từng ngành.

Sau lần điều chỉnh giảm nhẹ vào cuối Quý 1/2014, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay khá ổn định trong hai tháng đầu Quý 2/2014. Lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng được duy trì mức trần 6%/năm, trong khi các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên phổ biến từ 6%-8,3%. Trong khi đó, lãi suất cho vay cũng được các NHTM tiếp tục duy trì ở các mức 7%-10%/năm cho các kỳ hạn ngắn và 10%-12%/năm cho các kỳ hạn dài. Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống ngân hàng khá tốt và cầu tín dụng tương đối yếu, một số NHTM áp dụng mức lãi suất cho vay ưu đãi chỉ 6%-7%/năm cho một số doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả. Việc ổn định mức lãi suất cho vay hiện tại sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh trong tương lai, theo đó giảm thiểu rủi ro về chi phí tài chính.

Biểu đồ 2: Lãi suất huy động và cho vay



Nguồn: CEIC, VCBS tổng hợp

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại Công ty cổ phần Docimexco là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đại chúng.

Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Bên cạnh đó, khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính

sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan theo những cam kết của Việt Nam khi tham gia và ký kết những hiệp định chung về thương mại.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Vì vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

3. Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường là một quy luật tất yếu không thể tránh khỏi, đặc biệt là trong tình hình nước ta đã gia nhập WTO thì sự cạnh tranh là rất gay gắt giữa các công ty cùng ngành trong và ngoài nước về sản phẩm kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ chế biến... ảnh hưởng đến việc kinh doanh chung của Docimexco. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố mang tính thúc đẩy Công ty tập trung cải tiến chất lượng sản phẩm, tăng cường tiếp thị để kích cầu, mở rộng thêm thị trường tiêu thụ nhất là thị trường xuất khẩu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm, mẫu mã... để tăng tính cạnh tranh của sản phẩm của Công ty trên thị trường.

Bảng 1: Docimexco và một số doanh nghiệp ngành

| STT | Mã | TTS (VND) | ROA | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----|-----------|------|--------|-------|-----|
| 1 | AGM | 1.261,0 | 3,0 | 1720,0 | 6,7 | 0,6 |
| 2 | VLF | 900,5 | -1,0 | -600,0 | -9,5 | 0,5 |
| 3 | ACL | 750,1 | 2,0 | 812,2 | 11,7 | 0,7 |
| 4 | ATA | 764,1 | 0,04 | 27,1 | 232,4 | 0,5 |
| 5 | BLF | 549,8 | 0,2 | 211,1 | 24,2 | 0,3 |
| 6 | CMX | 559,9 | 0,8 | 400,0 | 13,0 | 1,9 |
| 7 | FMC | 711,4 | 5,0 | 2951,4 | 5,6 | 0,9 |
| 8 | ICF | 396,4 | 0,8 | 241,2 | 19,9 | 0,4 |
| 9 | NGC | 107,6 | 3,0 | 2468,8 | 6,3 | 1,1 |
| 10 | TS4 | 998,5 | 2,6 | 1631,2 | 6,1 | 0,6 |
| 11 | VNH | 129,7 | 10,5 | 1784,2 | 2,2 | 0,4 |

Nguồn: VCBS tổng hợp

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty Cổ phần Docimexco. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh,



động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Docimexco.

**III. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN****1. Tổ chức phát hành****CTCP DOCIMEXCO**

Địa chỉ: 89 Nguyễn Huệ, P.1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (067) 3855356 Fax: (067) 3851250

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty

2. Tổ chức tư vấn bán đầu giá**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN**

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đầu giá cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại CTCP Docimexco được lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng ký giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Docimexco cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

**IV. CÁC KHÁI NIỆM**

- BKS Ban kiểm soát
- BCKT Báo cáo kiểm toán
- BCTC Báo cáo tài chính
- CBTT Công bố thông tin
- CNĐKKD Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Công ty Công ty Cổ phần Docimexco
- CTCP Công ty cổ phần
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- GDP Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
- HĐQT Hội đồng quản trị
- FDG Công ty cổ phần Docimexco
- TMCP Thương mại cổ phần
- TSCĐ Tài sản cố định
- UBND Ủy ban Nhân dân
- SCIC Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước
- WTO World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới

**V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Docimexco tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước với tên gọi ban đầu là Công ty Thương nghiệp xuất nhập khẩu tổng hợp Đồng Tháp, Công ty được thành lập năm 1992. Ngày 12/01/2007, UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Docimexco. Ngày 07/07/2007, Công ty Cổ phần Docimexco chính thức đi vào hoạt động, vốn điều lệ ban đầu là 88,7 tỷ đồng.

Tháng 01/2008, Công ty mua lại Công ty Dịch vụ phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp, chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dasco. Tháng 11/2008, mua 60% vốn cổ phần còn lại của Công ty Tín Thành, chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Docifarm. Tháng 12/2008, góp vốn với Công ty Hoàn Mỹ thành lập Công ty TNHH Domyfeed.

Năm 2009: Công ty tăng vốn điều lệ hai lần từ 88,7 tỷ đồng lên 124,18 tỷ đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và tăng lên 132 tỷ đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược.

Tháng 02/2010: Công ty góp vốn với Công ty Hoàn Mỹ, CTCP Đầu tư phát triển Nguyễn Kim thành lập CTCP Tam Nông.

Tháng 04/2011: cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE.

Sau 22 năm hoạt động và 07 năm kể từ khi Công ty được chuyển thành công ty cổ phần, Công ty đã có những bước phát triển vượt bậc như cải cách bộ máy quản lý công ty, phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa ngành nghề. Tăng vốn điều lệ lên 132 tỷ đồng, nằm trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008, 2009, 2010, 2011 và 2012 do VNR bình chọn.

1.2. Giới thiệu về Công ty

| | |
|--------------------------------|--|
| Tổ chức phát hành | CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO |
| Tên giao dịch đối ngoại | Dong Thap Trading Corporation |
| Tên viết tắt | DOCIMEXCO |
| Trụ sở chính | 89 Nguyễn Huệ, P.1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp |
| Điện thoại | (067) 3855 356 |
| Fax | (067) 3851 250 |
| Website | www.docimexco.com |
| Vốn điều lệ | 132.000.000.000 đồng (<i>Một trăm ba mươi hai tỷ đồng</i>) |

Logo



Ngành, nghề kinh doanh:

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400103227 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Tháp đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, hoạt động kinh doanh chính như sau:

- ✓ Kinh doanh rượu bia, nước giải khát;
- ✓ Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ tổng nước và xuất khẩu;
- ✓ Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xe để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu
- ✓ Kinh doanh hàng thủy sản. Nuôi cá (nước mặn, ngọt, lợ);
- ✓ Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc
- ✓ Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Khai thác cát, đất, đá. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- ✓ Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ;
- ✓ Mua bán, xuất nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản;
- ✓ Buôn bán, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ✓ Mua bán, xuất nhập khẩu hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic, in bao bì các loại;
- ✓ Tái chế phế liệu kim loại; mua bán phế liệu, phế kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt;
- ✓ Mua bán, sửa chữa ô tô, xe máy

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Bảng 2: Cơ cấu vốn cổ phần của Docimexco tại ngày 31/12/2013

| STT | Danh mục | Số CP | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
|-----|-------------------------|-------------------|------------------------|------------|
| 1 | Cổ phần Nhà nước (SCIC) | 2.675.960 | 26.759.600.000 | 20,27 |
| 2 | Cổ đông trong công ty | 248.073 | 2.480.730.000 | 1,88 |
| 3 | Cổ đông bên ngoài | 3.304.610 | 33.046.100.000 | 24,90 |
| 4 | Tổ chức | 6.989.357 | 69.893.570.000 | 52,95 |
| | Tổng cộng | 13.200.000 | 132.000.000.000 | 100 |

Nguồn: FDG



1.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần tại ngày 31/12/2013

| Họ tên | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------------------|--|------------------|--------------|
| SCIC | Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội | 2.675.960 | 20,27% |
| CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim | 1-5 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 6.381.387 | 48,34% |
| Tổng cộng | | 9.057.347 | 68,61 |

Nguồn: FDG

1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

✓ **Danh sách những công ty con của Công ty:**

- Công ty cổ phần Docifish
- Công ty TNHH 01 TV Dịch vụ PTNN Đồng Tháp – DASCO
- Công ty TNHH 01 TV Lương thực Hồng Tàn - HONGTANFOOD

✓ **Danh sách những công ty mà tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

- Công ty cổ phần Docifish
- Công ty TNHH 01 TV Dịch vụ PTNN Đồng Tháp – DASCO
- Công ty TNHH 01 TV Lương thực Hồng Tàn - HONGTANFOOD

✓ **Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức chào bán:**

- Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): tại thời điểm 31/12/2013, SCIC sở hữu 2.675.960 cổ phần, chiếm 20,27% vốn cổ phần
- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim: tại thời điểm 31/12/2013, sở hữu 6.381.387 cổ phần, chiếm 48,34% vốn cổ phần

Ghi chú: Trong Quý 2/2014 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Docifish.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện nay Công ty cổ phần Docimexco được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 29/11/2005. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Docimexco là Điều lệ tổ chức và hoạt động.



Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 89 Nguyễn Huệ, P.1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: (067) 3855356 Fax: (067) 3851250

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty con:

- Công ty cổ phần Docifish
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp
- Công ty TNHH MTV Lương thực Hồng Tân

Công ty liên kết:

Công ty cổ phần Docitrans

Ghi chú: Trong Quý 2/2014 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần Docifish.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Docimexco bao gồm:

✓ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho Công ty cả cổ đông của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ



những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty.

✓ Ban điều hành

Là bộ máy điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Thành phần Ban điều hành gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

✓ Phòng tổ chức hành chính

- Là phòng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương. Căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty phối hợp với các phòng nghiệp vụ lập phương án trình HĐQT- Ban giám đốc Công ty phê duyệt;
- Tham mưu đề xuất với HĐQT – Ban giám đốc Công ty về công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua khen thưởng, kỷ luật, thi tay nghề, nâng bậc lương cho Cán bộ công nhân viên, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống lũ bão, cháy nổ, giảm nhẹ thiên tai và các nhiệm vụ khác được HĐQT giao;
- Quản lý lưu trữ các văn bản Công ty phát hành bảo mật tài liệu, ấn chỉ. Trực tiếp quản lý công tác quản trị hành chính văn phòng. Chuẩn bị các chương trình công tác của văn phòng, giải quyết công việc văn phòng khi HĐQT – Ban giám đốc đi công tác;
- Nghiên cứu đề xuất các vấn đề pháp lý có liên quan;
- Trung tâm thông tin nhằm phục vụ cho ban lãnh đạo;
- Cung cấp các phương tiện làm việc cho ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty, quản lý thiết bị, dụng cụ văn phòng, quản lý cơ sở hạ tầng.

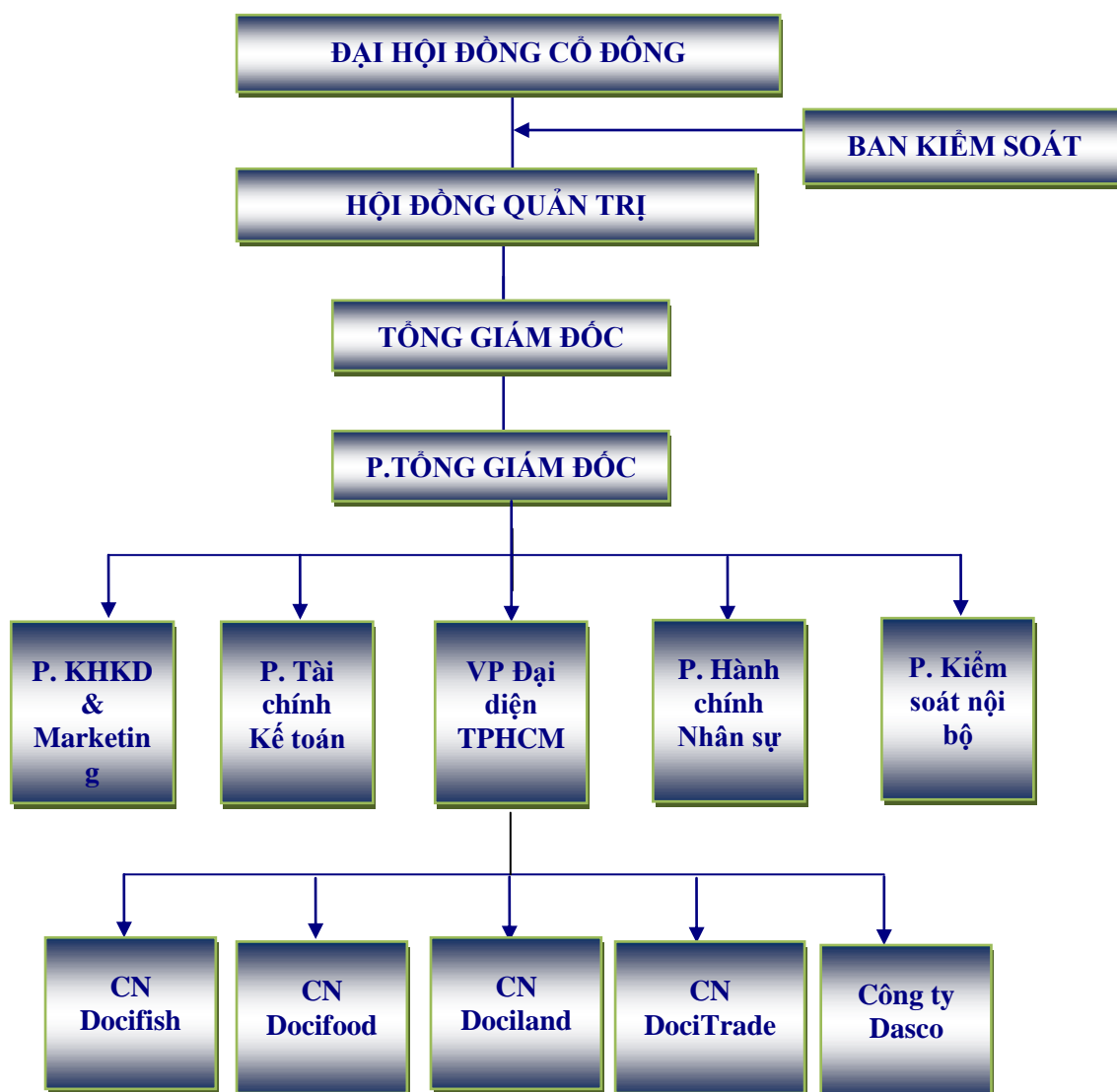
✓ Phòng kế toán:

- Là phòng tham mưu về nghiệp vụ tài chính kế toán - thống kê, quản lý tiền vốn của toàn Công ty. Có trách nhiệm thực hiện chế độ hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán thống kê theo quy định của Nhà nước;
- Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và nguồn vốn hiện có, Phòng có trách nhiệm chủ động đề xuất nguồn vốn vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh kịp thời và thực hiện định mức tồn quỹ theo quy định; tham mưu đề xuất xử lý hàng hoá tồn đọng, trách nhiệm bồi thường vật chất đối với các tập thể, cá nhân gây thiệt hại về kinh tế của Doanh nghiệp;
- Hướng dẫn nghiệp vụ kế toán - thống kê cho các cơ sở, các phòng nghiệp vụ lập chứng từ ban đầu đúng nguyên tắc chế độ, đảm bảo các yêu cầu về quản lý tài chính hiện hành;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, HĐQT – Ban giám đốc Công ty và toàn thể cổ đông về việc không kiểm soát được nguồn vốn. Được quyền yêu cầu các phòng ban, Cửa hàng, đơn vị trực thuộc giải trình những chi phí không hợp lý

và đã chi nếu không đúng nguyên tắc tài chính hiện hành và quy chế quản lý của Công ty thì được quyền xuất toán.

- ✓ Phòng kinh doanh: Là phòng tham mưu về chiến lược kinh doanh của toàn Công ty. Phòng có nhiệm vụ xây dựng chiến lược kinh doanh ngắn hạn, dài hạn đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng kinh tế của Doanh nghiệp đảm bảo tính bền vững;
 - Trực tiếp kinh doanh hàng hoá xuất nhập khẩu, kinh doanh nội địa, vật tư hàng hoá tổng hợp, đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
 - Tham mưu đề xuất với HĐQT – Ban giám đốc Công ty dự thảo hợp đồng kinh tế, quy chế liên doanh, liên kết, đại lý cung ứng hàng hoá dịch vụ đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh, đúng Pháp luật;
 - Quảng cáo tiếp thị, xây dựng thương hiệu Công ty.

Biểu đồ 3: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Docimexco



Nguồn: FDG

4. Hoạt động kinh doanh

4.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Docimexco bao gồm:

- ✓ Sản xuất - Kinh doanh gạo;
- ✓ Nuôi trồng - Sản xuất - Kinh doanh thủy sản;
- ✓ Sản xuất - Kinh doanh phân bón vô cơ và phân vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật tự sản xuất;
- ✓ Kinh doanh bất động sản

4.2. Các hợp đồng lớn đang thực hiện và ký kết

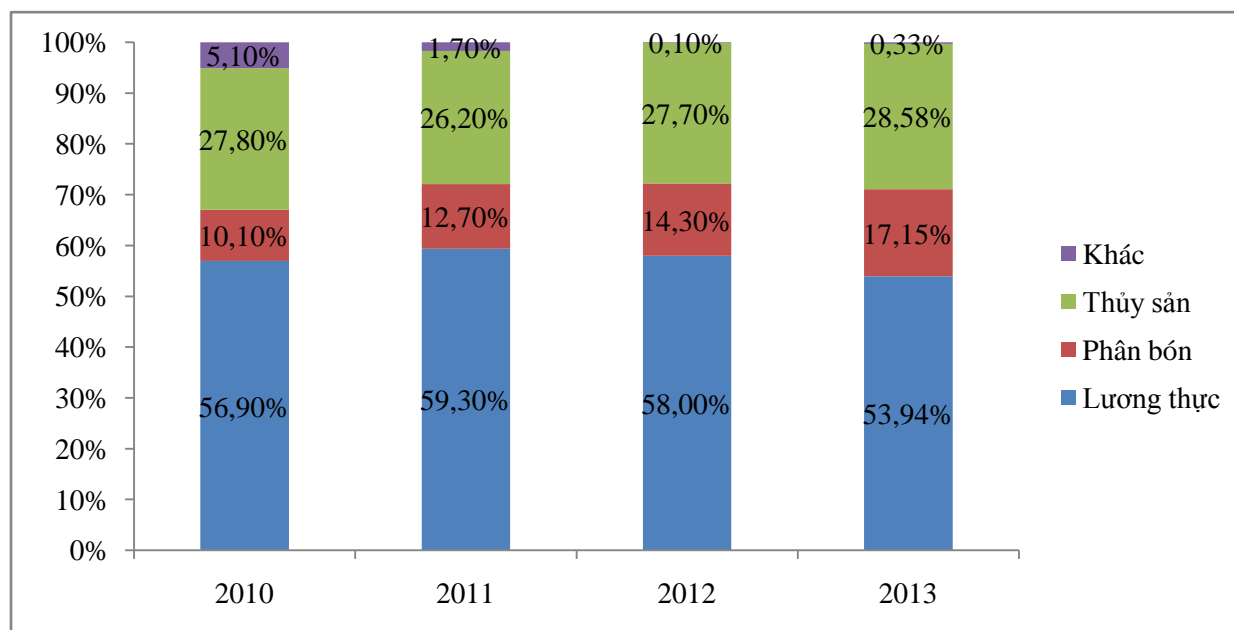
Bảng 4: Một số các hợp đồng xuất khẩu gạo năm 2014 thực hiện và ký kết

| STT | Khối lượng xuất khẩu (tấn) | Thị trường |
|-----------|----------------------------|------------|
| 01 | 6.344,00 | Ukraine |
| 02 | 986,50 | France |
| 03 | 168,00 | Singapore |
| 04 | 125,00 | Georgia |
| 05 | 150,00 | Leone |
| TC | 7.773,50 | |

Nguồn: FDG

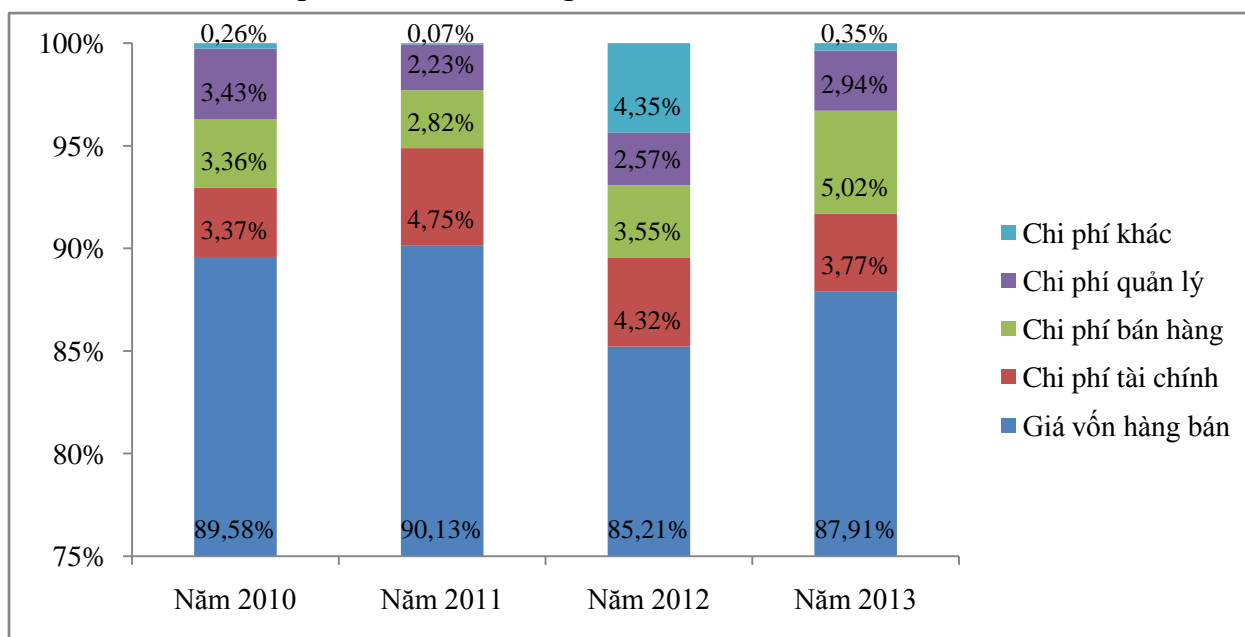
4.3. Cơ cấu doanh thu

Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh thu của Docimexco giai đoạn năm 2010 - 2013



4.4. Cơ cấu chi phí

Biểu đồ 5: Cơ cấu chi phí của Docimexco giai đoạn năm 2010 – 2013



4.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng.

DOCIMEXCO chính là từ viết tắt từ cụm từ Dong Thap Commerce Import Export Company của Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng Hợp Đồng Tháp. Sau khi cổ phần hóa chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần DOCIMEXCO (Dong Thap Trading Corporation), thương hiệu DOCIMEXCO vẫn được giữ lại.

Nhìn tổng thể logo như một búp sen của vùng Đồng Tháp Mười tinh khiết và đậm chất Việt Nam. Búp sen luôn bao bọc, che chở cho chiếc tháp cao chọc trời.



Phần màu xanh phía dưới mang hình ảnh của chiếc thuyền. Đó là chiếc thuyền DOCIMEXCO. Con đường vận chuyển chủ yếu trong quá trình xuất nhập khẩu là đường thủy nên chiếc thuyền trở nên biểu tượng đặc biệt quan trọng. Chiếc thuyền có màu xanh của trời, của nước biển có ý nghĩa của sự an toàn và đáng tin cậy. Chữ DOCIMEXCO màu trắng thể hiện sự tinh khiết của nông sản Việt Nam, sự giàu có, hiếu khách của dân tộc.

Hai vòng cung màu đỏ chính là hai cánh buồm giúp con thuyền DOCIMEXCO tiến nhanh ra biển khơi. Với hai cánh buồm căng gió, chiếc thuyền DOCIMEXCO sẽ mang nông sản Việt Nam đi khắp thế giới và chở mọi tinh hoa của nhân loại về Việt Nam. Đồng thời, hai cánh buồm đỏ còn có hình ảnh của cánh sen vùng Đồng Tháp Mười. Cánh sen mang màu đỏ là một



nét cách điệu của DOCIMEXCO mang một khao khát về sức mạnh và tốc độ vượt biển lớn thế giới.

Chiếc tháp mười tầng ở giữa là nhụy của hoa sen mang tất cả tinh túy nhất của hoa sen Việt Nam. Chiếc tháp mười tầng thể hiện ước mơ không ngừng vươn lên tầm cao mới của nông dân Việt Nam, là biểu hiện của vùng Đồng Tháp Mười, là một trong những cái nôi của nền nông nghiệp Việt Nam. DOCIMEXCO sẽ giúp hoa sen Việt Nam ngày càng tỏa hương thơm, sự tinh khiết thuần túy đi khắp mọi nơi.

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 5: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Docimexco

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu tài chính | 2011 | 2012 | 2013 | Q1/2014 |
|----------------------------|-------------|-------------|-------------|----------------|
| Tổng tài sản | 1.198.947 | 947.181 | 652.913 | 504.390 |
| Vốn chủ sở hữu | 203.359 | 141.991 | 7.864 | 2.927 |
| Vốn điều lệ | 132.000 | 132.000 | 132.000 | 132.000 |
| Doanh thu thuần | 2.775.708 | 2.058.659 | 1.502.576 | 155.706 |
| EBIT | 148.811 | 62.904 | (75.179) | 6.000 |
| LN sau thuế | 35.913 | (37.446) | (134.765) | (4.936) |
| Nợ/Tổng tài sản (%) | 80% | 84% | 99% | 99,4% |
| Tỷ suất Lợi nhuận gộp (%) | 8,1% | 5,1% | 2,9% | 1,9% |
| Tỷ suất Lợi nhuận ròng (%) | 1,3% | -1,8% | -9,0% | -3,2% |
| ROA (%) | 3,00% | -3,95% | -20,64% | -1% |
| ROE (%) | 17,66% | -26,37% | -1713,73% | -168,6% |
| BV (đồng) | 15.406 | 10.757 | 596 | 222 |
| EPS (đồng) | 2.466 | (2.822) | (10.209) | -374 |

Nguồn: BCTC của Docimexco năm 2011-2013, tổng hợp

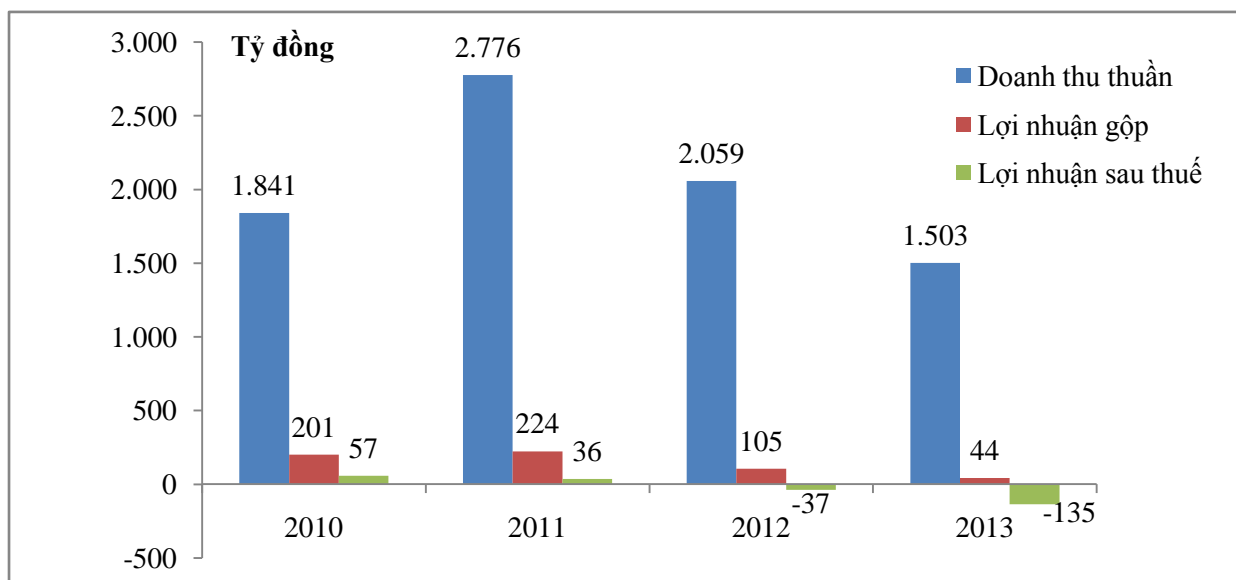
Bảng 6: Kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2011 | 2012 | 2013 | Q1 2014 |
|--------------------|-------------|-------------|-------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 2.776 | 2.059 | 1.503 | 155,7 |
| Lợi nhuận gộp | 224 | 105 | 44 | 2,9 |
| Lợi nhuận sau thuế | 36 | -37 | -135 | -4,9 |

Nguồn: BCTC của Docimexco năm 2011-2013

Biểu đồ 6: Kết quả kinh doanh



Kết thúc năm 2013 Công ty đã không đạt được kế hoạch lợi nhuận đề ra, kết quả kinh doanh ghi nhận lỗ 134,6 tỷ đồng. Đây là năm thứ 2 liên tiếp Công ty bị thua lỗ, năm 2012 Công ty ghi nhận lỗ 37 tỷ đồng. Việc sản xuất kinh doanh trong 2 năm qua kém hiệu quả chủ yếu là do các nguyên nhân khách quan của thị trường gạo, thủy sản, giá bán xuất khẩu giảm sâu nhưng giá nguyên liệu đầu vào tăng cao. Mặt khác, mặt hàng phân bón vô cơ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi giá thị trường giảm mạnh liên tục, khi nhập hàng về bán ra không kịp, tồn kho phải chịu lãi vay trong thời gian dài, buộc phải giảm giá bán để thu hồi nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Cụ thể:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, cụ thể 2012 tỷ suất là 5,1% năm nay chỉ còn 2,9%, điều này thể hiện rõ lãi gộp tạo ra từ 01 đồng doanh thu sụt giảm rất lớn; khả năng đảm bảo nguồn tích lũy từ lãi gộp để trang trải chi phí suy giảm mạnh. Hoạt động kinh doanh trong năm 2013 diễn biến trong điều kiện giá vốn cao nhưng giá bán ra giảm mạnh đáng kể do sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành, mặt khác thị trường nhập khẩu cũng chưa chấp nhận mua với giá cao hơn.
- Lợi nhuận gộp năm 2013 chỉ đạt 43,8 tỷ đồng, thấp hơn mức 104,8 tỷ đồng năm 2012, không bù đắp được chi phí mặc dù Công ty đã chủ động cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp tối đa. Bên cạnh đó, cùng với sự quyết tâm của đơn vị, phân đầu giải quyết nhanh hàng tồn kho, thu hồi các khoản nợ đến hạn, để thanh toán cho các khoản tín dụng. Kết quả, có góp phần giảm thiểu được chi phí lãi vay từ mức 93,7 tỷ đồng trong năm 2012 xuống 59,4 tỷ đồng năm 2013.
- Doanh số bán xuất khẩu mặt hàng gạo sụt giảm mạnh do tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, mặt bằng giá thấp, trong khi giá gạo trong nước bị chi phối bởi lượng gạo xuất khẩu tiêu ngạch sang Trung Quốc nên giá gạo nguyên liệu luôn ổn định ở mức cao, khó



ký được hợp đồng xuất khẩu với giá tốt.

- Giá cá tra duy trì ở mức thấp trong suốt cả năm làm cho những dự đoán về thị trường bị phá vỡ: thông thường vào cuối quý 3 và đầu quý 4 hàng năm, giá cá tra biến động tăng để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu, nhưng đặc biệt năm 2013, đến hết quý 4/2013 giá cá vẫn ở mức thấp, đến thời điểm bắt buộc phải thu hoạch, giá bán ra thấp trong khi giá thành cao, làm thiệt hại lớn.

Ngoài khó khăn chung đối với các mặt hàng kinh doanh của Công ty mẹ, các công ty con cũng gặp khó khăn không kém: ngành xuất khẩu thủy sản (cá tra fillet) không khả quan, lượng tồn kho đang phải chịu chi phí lãi vay và chi phí lưu kho, giá bán ra thấp lợi nhuận gộp không đủ bù cho chi phí. Thị trường phân bón giá thay đổi liên tục, các lô hàng Công ty nhập về bị thua lỗ do giá nhập về cao nhưng giá tiêu thụ của thị trường thấp.

6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Năm 2013, Docimexco được vinh dự nằm trong danh sách 54 doanh nghiệp xuất khẩu gạo uy tín nhất của Bộ Công thương. Đây là thành quả cho sự nỗ lực vươn lên của Công ty trong thời gian qua và là tiền đề để Công ty tiếp tục phấn đấu và góp phần nâng cao vị thế lĩnh vực xuất khẩu gạo của Việt Nam trên trường quốc tế.

Với hơn 20 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Docimexco đã có những uy tín và thành tựu nhất định trên thị trường với mạng lưới sản phẩm của Công ty đã được phân phối, xuất khẩu đi các thị trường tiềm năng trong khu vực châu Á, châu Âu và châu Phi. Điển hình là những khách hàng như: Nidera, Novel, Seacore, Ameraba, ADM, Egypt.

Các hoạt động sản xuất, chế biến và quản trị của Công ty được duy trì áp dụng phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Bên cạnh đó, Docimexco là một trong những doanh nghiệp có quy mô vốn và công suất lớn tại Tỉnh Đồng Tháp về xuất khẩu gạo. Đây là lợi thế và là tiềm năng phát triển cho Công ty trong thời gian sắp tới.

6.1. Triển vọng phát triển ngành kinh doanh gạo

Gạo là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và trong gần một phần tư thế kỷ qua luôn đứng thứ hạng cao trên thế giới. Xuất khẩu gạo năm 2013 đạt khoảng 8 triệu tấn, bao gồm 6,7 triệu tấn qua các kênh chính thức, và khối lượng còn lại chủ yếu sang Trung Quốc qua con đường tiểu ngạch, theo số liệu của chính phủ và của ngành gạo.

Niên vụ 2012 - 2013 Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới sau Ấn Độ, và USDA dự kiến Việt Nam sẽ xuống vị trí thứ 3 trong niên vụ 2013 - 2014 sau Ấn Độ và Thái lan, với khoảng 6,5 triệu tấn xuất khẩu.

Về sản lượng, Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã trồng 1,4 triệu ha lúa Hè – Thu, bằng khoảng 80% diện tích cả vụ dự kiến 1,7 triệu ha. Hè Thu là vụ có sản lượng lớn thứ 2 sau vụ Đông – Xuân. Vụ Đông – Xuân đã cho năng suất 11,2 triệu tấn, tăng 5% so với năm trước. Khu vực miền Nam, chủ yếu là ĐBSCL, sản xuất 30,5 triệu tấn lúa năm 2013, tương đương 69% tổng sản lượng của cả nước. Hiện ĐBSCL cung cấp 90% gạo xuất khẩu của Việt Nam.

Hiện Việt Nam còn khoảng 20% sản lượng lúa trong kho dự trữ. Mục tiêu đến năm 2020 sẽ giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch xuống 5-6% sản lượng. Việt Nam có 100 nhà xuất khẩu gạo, khối lượng xuất khẩu bằng 1/5 tổng khối lượng gạo mậu dịch trên toàn cầu. Những khách



hàng chủ đạo trong giai đoạn tháng 1- 4/2014 là Trung Quốc, Philippine và Ghana.

Bảng 7: thông kê và dự báo về lúa gạo Việt Nam

| GAO | 2014 | 2013 | 2012 |
|------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Sản lượng lúa | 43,4 triệu | 44,08 triệu | 43,66 triệu |
| - Vụ Đông Xuân | | 20,24 triệu | 20,29 triệu |
| - Vụ Hè Thu | | 14,46 triệu | 13,97 triệu |
| - Vụ thứ 3 | | 9,38 triệu | 9,40 triệu |
| Tổng diện tích 3 vụ | 7,6 triệu | 7,90 triệu | 7,76 triệu |
| Tiêu thụ lúa | | 28-29 triệu | 29,00 triệu |
| Xuất khẩu (quy xay) | 6,2 triệu | 6,59 triệu | 8,02 triệu |
| Dự trữ cuối vụ (Gạo quy xay) | | 0,35 triệu | 0,80 triệu |
| Chỉ tiêu | 2014 | 2013 | |
| Xuất khẩu | Khối lượng | Trị giá | Khối lượng |
| Tháng 1- 5 | 2.710.800 | 1,22 tỷ USD | 2.915.700 |
| | | | 1,29 tỷ USD |

Nguồn: Tổng cục Thống kê, các Bộ, các thương gia

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, trong 06 tháng đầu năm 2014, các doanh nghiệp đã xuất khẩu được 3,003 triệu tấn gạo với trị giá xuất khẩu là 1,296 tỷ USD và đã ký hợp đồng xuất khẩu được 4,7 triệu tấn gạo, giá gạo xuất khẩu cũng đã tăng nhẹ từ 10 - 15 USD/tấn.

Mặc dù sản lượng và giá trị xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng số liệu 6 tháng đầu năm nay cho thấy đang có nhiều dấu hiệu khả quan ở một số thị trường Châu Á, cụ thể: Xuất khẩu gạo sang Philippines - thị trường lớn thứ hai của gạo Việt Nam sau khi giảm mạnh liên tục từ đầu năm, đến giữa tháng 04/2014, Việt Nam đã ký được hợp đồng xuất khẩu sang thị trường này 800.000 tấn gạo trong 2014, trong đó Tổng công ty Lương thực miền Nam (Vinafood 2) ký được hợp đồng cung cấp 600.000 tấn gạo và Tổng công ty Lương thực miền Bắc (Vinafood 1) ký được hợp đồng cung cấp 200.000 tấn gạo. Theo thỏa thuận, Vinafood 1 và Vinafood 2 sẽ thực hiện giao các lô hàng gạo hạt dài 15% tằm cho Philippines, từ tháng Năm đến tháng Tám. Bên cạnh đó, Vinafood 2 đã ký được hợp đồng xuất khẩu 200.000 tấn gạo loại 5% tằm sang Malaysia với giá FOB giao tại cảng Sài Gòn là 410 USD/tấn. Các con số này dù không lớn nhưng cũng cho thấy sự quan tâm của nước này đối với gạo Việt Nam. Theo nhận định của một số doanh nghiệp gạo, xuất khẩu gạo trong Quý 4/2014 của Việt Nam sẽ thuận lợi hơn nhờ xuất khẩu tiêu ngạch sang Trung Quốc vẫn ổn định và sự gia tăng khối lượng ở các hợp đồng tập trung. Ước tính năm 2014 Việt Nam sẽ có hợp đồng tập trung khoảng trên 1,5 triệu tấn.

Đối với thương mại gạo thế giới năm 2014 dự báo ở mức 38,3 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2013 và giảm không nhiều so với kỷ lục năm 2012. Về xuất khẩu, việc chính phủ Thái Lan mở kho hàng dự trữ khiến giá gạo giảm trong vài tháng trở lại đây đã giúp nước này lấy lại được lợi thế cạnh tranh của mình. Sản lượng gạo bội thu cũng đưa kim ngạch xuất khẩu gạo của một số nước như Brazil, Trung Quốc, Ai Cập, Guyana và Paraguay tăng mạnh. Tuy nhiên, lợi thế mà Thái Lan đang có, giúp nước này duy trì được vị trí thứ nhất trên thị trường gạo thế giới, đã ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của một số nước trong đó có Ấn Độ. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu gạo của Argentina, Pakistan, Uruguay Hoa Kỳ dự kiến năm 2014 có xu hướng giảm.

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) đã hạ mức dự báo về tiêu thụ gạo niên vụ 2013 - 2014 xuống còn 489,4 triệu tấn, tuy nhiên vẫn cao hơn 2,8% so với niên



vụ trước, tương đương 8 triệu tấn gạo. Sản lượng tiêu thụ gạo trên đầu người được dự đoán ở mức trung bình 57 kg niên vụ 2013/2014, tăng so với mức 56,5 kg niên vụ 2012 - 2013. Mặc dù giá bán lẻ nhìn chung có tăng nhưng sản lượng tiêu thụ tăng chủ yếu là do việc mở rộng các chương trình phân phối trợ cấp, đặc biệt là ở châu Á, trong đó Bangladesh, Indonesia và Ấn Độ gần đây đã mở rộng phạm vi của những chương trình này.

Sản lượng lúa gạo dự trữ năm 2014 ước tính khoảng 4,6 triệu tấn, tăng so với mức dự báo hồi đầu năm của tổ chức FAO; từ đó, nâng tỷ lệ dự trữ dành cho tiêu dùng thế giới từ 35,6% niên vụ 2012 - 2013 lên mức 35,9%, tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển. Trong số các nước xuất khẩu, Thái Lan và Việt Nam được dự báo sẽ kết thúc niên vụ với sản lượng dự trữ nhiều hơn so với các quốc gia khác như Ấn Độ, Pakistan và Hoa Kỳ. Về phía các nhà nhập khẩu, Trung Quốc dự kiến sẽ tăng lượng gạo dự trữ. Mặt khác, các nhà nhập khẩu truyền thống như Bangladesh, Indonesia, Cộng hòa Iran, Madagascar, Nigeria, Philippines và Nam Phi có thể kết thúc niên vụ với sản lượng dự trữ thấp hơn các quốc gia còn lại.

6.2. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Đối với ngành lương thực, đây là ngành liên quan mật thiết đến an ninh lương thực quốc gia. Vì vậy, Nhà nước đặc biệt quan tâm và có chính sách hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp trong ngành.

Đối với ngành phân bón là ngành hỗ trợ nông nghiệp nên có mối liên hệ mật thiết đến tính mùa vụ và sự phân bố diện tích đất nông nghiệp. Mục tiêu của Nhà nước là phát triển ngành sản xuất phân bón nhằm chủ động hơn nguồn phân bón trong nước. Vì vậy, Nhà nước đã tạo điều kiện xây dựng các dự án nhà máy sản xuất, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào như bù giá khí, giá than. Đối với doanh nghiệp nhập khẩu phân bón cũng được ưu tiên vay ngoại tệ để nhập khẩu phân bón.

Như vậy, xét về các ngành nghề phát triển của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

7. Chính sách đối với người lao động

7.1 Cơ cấu lao động tại 31/03/2014

Tổng số lao động của Docimexco tại 31/03/2014 là 529 lao động trong đó:

Bảng 8: Cơ cấu lao động tại 31/03/2014

| Chỉ tiêu phân loại | Số lao động |
|---------------------------|-------------------------|
| Theo giới tính | |
| | Nam: 244 |
| | Nữ: 285 |
| Theo trình độ | |
| | Đại học: 150 |
| | Cao đẳng: 32 |
| | Trung cấp: 45 |
| | Công nhân kỹ thuật: 292 |
| | Thuê hợp đồng: 0 |

Nguồn: Báo cáo thường niên Docimexco năm 2014

7.2 Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

- Chính sách lương:

Công ty luôn tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong Bộ Luật lao động của Việt Nam; không sử dụng lao động dưới 18 tuổi.

- Chế độ phúc lợi xã hội:

Tất cả CBCNV chính thức của Công ty đều được hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Đối với công nhân làm việc trong lĩnh vực độc hại còn được nhận phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro, phụ cấp nghề nghiệp;

Công ty quan niệm rằng: con người là vốn quý, là tài sản, là động lực phát triển sản xuất, tạo ra của cải vật chất cho Công ty, làm thỏa mãn yêu cầu của khách hàng vì lợi ích của bản thân và của Công ty. Chính vì lẽ đó, Công ty luôn tạo động lực cho người lao động phát huy được năng lực sáng tạo của mình, bảo đảm môi trường làm việc tốt cho người lao động như:

- Bảo đảm đủ ánh sáng, không khí, điều kiện vệ sinh nơi làm việc, đảm bảo chế độ an toàn lao động, vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ; chăm sóc y tế ban đầu cho người lao động, thực hiện tốt chế độ thai sản đối với người lao động nữ. Người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
- Ngoài ra Công ty luôn chú trọng cải tiến, đổi mới trang bị, nâng cấp nhà xưởng... để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; thường xuyên đào tạo, nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc.

7.3 Chính sách đào tạo và tuyển dụng

Vào đầu hàng năm, người quản lý Công ty và người lao động được Công ty trang bị quần, áo với mức 1.000.000 đồng/người.

Đối với người lao động được tuyển dụng trong quý 1 hàng năm thì được trang bị quần, áo với mức 1.000.000 đồng/người, người lao động được tuyển dụng trong quý 2 hàng năm thì được trang bị quần, áo với mức 500.000 đồng/người, người lao động được tuyển dụng trong quý 3 và quý 4 hàng năm thì không được trang bị quần, áo.

Trong trường hợp người lao động nghỉ việc:

- Dưới 3 tháng/ năm thì hoàn trả tiền trang bị quần, áo 750.000 đồng.
- Dưới 6 tháng/ năm thì hoàn trả tiền trang bị quần, áo 500.000 đồng.
- Trên 6 tháng/ năm thì không hoàn trả tiền trang bị quần, áo.

Đối với Ban tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng, Trưởng Văn phòng đại diện được trang bị đồng phục 02 năm/bộ/người, để tham dự đại hội, hội nghị và tham dự các ngày lễ lớn.

8. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tỷ lệ cổ tức hằng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:



Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Tình hình tài chính

9.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Docimexco bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

9.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao của Docimexco được trích lập phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính.

9.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2007-2009, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

9.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Docimexco thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí và lệ phí...

Bảng 9: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Docimexco tại 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số cuối năm |
|-----|----------------------|---------------|-------------|
| 1 | Thuế GTGT | 3.551.923.217 | 0 |
| | Thuế Xuất, Nhập khẩu | 3.540.760 | 0 |



| Stt | Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số cuối năm |
|-----|--|----------------------|--------------------|
| | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 3.950.546.563 | 3.446 |
| | Thuế Thu nhập cá nhân | 77.325.228 | 20.318.361 |
| 2 | Thuế Tài nguyên | 587.517 | 1.404.000 |
| 3 | Thuế nhà đất và Tiền thuê đất | 803.250.549 | 218.424.349 |
| 4 | Các loại thuế khác | 10.828.999 | 8.582.258 |
| 5 | Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 68.854.094 | 5.620.860 |
| | Tổng cộng | 8.466.856.927 | 254.359.274 |

Nguồn: Báo cáo tài chính của Docimexco

9.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập, sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

9.1.5 Tình hình công nợ

➤ Các khoản phải thu:

Bảng 10: Các khoản phải thu của Docimexco

Đơn vị tính: Tr.đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Q1 2014 |
|---------------------------------------|----------|----------|----------|---------|
| Các khoản phải thu | | | | |
| 1 Phải thu khách hàng | 237.967 | 131.851 | 102.581 | 65.567 |
| 2 Trả trước cho người bán | 45.629 | 43.211 | 15.534 | 16.279 |
| 3 Phải thu nội bộ ngắn hạn | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 Các khoản phải thu khác | 92.861 | 79.279 | 3.519 | 71.071 |
| 5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | -7.908 | -8.667 | -12.826 | -13.911 |

Nguồn: BCTC của Docimexco năm 2009-2013

➤ Các khoản phải trả:

Bảng 11: Các khoản phải trả của Docimexco

Đơn vị tính: Tr.đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Q1 2014 |
|----------|--------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 876.730 | 695.700 | 542.000 | 398.865 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 717.907 | 561.647 | 353.892 | 253.623 |



| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Q1 2014 |
|-----------|--|---------------|----------------|----------------|----------------|
| 2 | Phải trả cho người bán | 135.791 | 109.901 | 173.923 | 135.161 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 1.001 | 938 | 1.419 | 5.206 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 10.983 | 8.467 | 254 | 640 |
| 5 | Phải trả người lao động | 3.109 | 1.638 | 3.560 | 1.340 |
| 6 | Chi phí phải trả | 3.108 | 4.215 | 2.351 | 1.351 |
| 7 | Phải trả nội bộ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 6.336 | 8.946 | 6.984 | 1.934 |
| 9 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | -1.507 | -51 | -384 | -390 |
| II | Nợ dài hạn | 80.770 | 101.251 | 103.049 | 102.598 |
| 1 | Phải trả dài hạn người bán | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phải trả dài hạn nội bộ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | 35.556 | 32.899 | 32.979 | 32.914 |
| 4 | Vay và nợ dài hạn | 18.638 | 19.460 | 22.344 | 22.344 |
| 5 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 72 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Doanh thu chưa thực hiện | 26.505 | 48.892 | 47.725 | 47.338 |

Nguồn: BCKT của Docimexco năm 2010 - 2013

9.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn năm 2010 -2013

| <u>Đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn</u> | | | | |
|---|---------|---------|---------|---------|
| | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 |
| Tỷ số thanh toán hiện thời (ngắn hạn) | 1,14 | 1,06 | 1,1 | 0,87 |
| Tỷ số thanh toán nhanh | 0,8 | 0,59 | 0,56 | 0,38 |
| Tỷ số thanh toán tiền mặt | 0,29 | 0,07 | 0,1 | 0,0 |
| Vốn lưu động ròng | 100,39 | 49,84 | 68 | -68,63 |
| <u>Đánh giá hiệu quả hoạt động</u> | | | | |
| Vòng quay các khoản phải thu | 5,56 | 7,53 | 8,38 | 13,81 |
| Vòng quay các khoản phải trả | 2,08 | 2,67 | 2,45 | 2,26 |
| Vòng quay hàng tồn kho | 10,67 | 4,78 | 0,9 | 5,47 |
| Số ngày các khoản phải thu | 65,65 | 48,46 | 43,56 | 26,43 |
| Số ngày các khoản phải trả | 175,53 | 136,95 | 148,88 | 161,4 |
| Số ngày hàng tồn kho | 34,21 | 76,43 | 404,83 | 66,77 |
| Vòng quay vốn lưu động | 2,28 | 3 | 2,7 | 3,17 |
| <u>Đánh giá khả năng sinh lời</u> | | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 177,91% | 232,50% | 217,68% | 230,13% |
| Tỷ suất LN gộp/DT thuần | 10,89% | 8,06% | 5,09% | 2,91% |
| Tỷ suất LN HĐ SXKD/DT thuần | 4,09% | 1,14% | -4,93% | -9,18% |



| | | | | |
|---|---------|---------|---------|-----------|
| Tỷ suất LN HĐ SXKD/Tổng tài sản | 7,25% | 2,64% | -10,71% | -21,12% |
| Tỷ suất LN sau thuế/DT thuần | 3,10% | 1,29% | -1,82% | -8,97% |
| Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 5,51% | 3,00% | -3,95% | -20,64% |
| Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | 26,19% | 17,66% | -26,37% | -1713,73% |
| <u>Đánh giá khả năng quản lý công nợ</u> | | | | |
| Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu | 361,47% | 470,84% | 561,27% | 8202,75% |
| Tổng nợ/Tổng Tài sản | 76,08% | 79,86% | 84,14% | 98,80% |
| Nợ dài hạn/Tổng Tài sản | 7,78% | 6,74% | 10,69% | 15,78% |
| Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu | 36,95% | 39,72% | 71,31% | 1310,42% |
| Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu | 324,51% | 431,12% | 489,96% | 6892,33% |

Nguồn: BCKT của Docimexco năm 2010 – 2013, tổng hợp

10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, Ban kiểm soát

10.1. Hội đồng quản trị

Theo Điều lệ Công ty CTCP Docimexco thì số lượng thành viên HĐQT là thành viên, bao gồm:

Bảng 13: Danh sách thành viên HĐQT của Docimexco

| Stt | Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|--------------|---------------------|-----------|
| 1 | Cao Minh Lãm | Chủ tịch | 0 | 0 |
| 2 | Phạm Văn Đước | Phó Chủ tịch | 0 | 0 |
| 3 | Trần Quốc Nam | Thành viên | 7.000 | 0,05 |
| 4 | Phạm Văn Dũng | Thành viên | 17.000 | 0,13 |
| 5 | Nguyễn Văn Tiến | Thành viên | 0 | 0 |
| 6 | Trương Minh Lễ | Thành viên | 0 | 0 |
| 7 | Trần Vũ Ngọc Tường | Thành viên | 0 | 0 |

Nguồn: CTCP Docimexco

10.2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 14: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Docimexco

| Stt | Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------|----------------|---------------------|-----------|
| 1 | Trần Quốc Nam | Tổng Giám đốc | 7.000 | 0,05 |
| 2 | Phạm Văn Dũng | Phó TGD | 17.700 | 0,13 |
| 3 | Nguyễn Thành Bảy | Phó TGD | 0 | 0 |
| 4 | Huỳnh Long Hồ | Kế toán trưởng | 5.860 | 0,04 |

Nguồn: FDG



10.3. Ban kiểm soát

Bảng 15: Danh sách Ban kiểm soát của Docimexco

| Stt | Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------|------------|---------------------|-----------|
| 1 | Trần Hữu Hiệp | Trưởng ban | 0 | 0 |
| 2 | Ngô Đức Thắng | Thành viên | 9.000 | 0,07 |
| 3 | Vũ Tiến Đông | Thành viên | 0 | 0 |

Nguồn: FDG

11. Tài sản

Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 31/03/2014 của Docimexco như sau:

Bảng 16: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 31/03/2014 của Docimexco

Đơn vị tính: đồng

| STT | Khoản mục | Nguyên giá | Khấu hao | Giá trị còn lại |
|-----|------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1 | TSCĐ hữu hình | 232.100.235.010 | -140.049.674.862 | 92.050.560.148 |
| 2 | TSCĐ vô hình | 14.799.032.005 | -703.815.658 | 14.095.216.347 |
| | Tổng cộng | 251.846.756.461 | -138.717.186.514 | 113.129.569.947 |

Nguồn: FDG

Tại thời điểm 31/03/2014, Docimexco đang sử dụng và quản lý các mảnh đất sau:

Bảng 17: Danh mục đất Docimexco đang sử dụng và quản lý

| St t | Địa chỉ | Diện tích đất (m ²) | Thời gian sử dụng | Mục đích sử dụng đất | Hiện trạng sử dụng | Đất thuê/ Sở hữu |
|------|---|---------------------------------|-------------------|----------------------|--------------------|----------------------------|
| 1 | Quốc lộ 80, Xã Bình Thành, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp | 17.315 | 50 năm | SXKD phi NN | Kho Docifood 2 | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 2 | Xã Tân Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp | 6.195,4 | 20 năm | SXKD phi NN | Kho Docifood 3 | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 3 | 89 Nguyễn Huệ, P.1, Tp.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp | 775 | 50 năm | SXKD phi NN | VP làm việc | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 4 | Lộ kinh Nguyễn Văn Tiếp A, Xã Đốc Bình Kiều, Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng | 5.623 | 20 năm | SXKD phi NN | Kho Đốc Bình Kiều | Đất thuê trả tiền hàng năm |



| St t | Địa chỉ | Diện tích đất (m ²) | Thời gian sử dụng | Mục đích sử dụng đất | Hiện trạng sử dụng | Đất thuê/ Sở hữu |
|---------|---|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|---------------------------------------|
| | Tháp | | | | | |
| 5 | Xã Tân Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp | 1.819 | 20 năm | SXKD phi NN | Kho Bình | Tân Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 6 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 56.613 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 7 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 42.092 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 8 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 13.458 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 9 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 3.886 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 10 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 42.850 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 11 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 5.155,7 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 12 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 3.820,3 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 13 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 20.933,9 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 14 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 2.717,6 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 15 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng | 3.495,9 | 40 năm | Đất KCN | KCN Hậu | Sông Đất thuê trả tiền hàng năm |



| St t | Địa chỉ | Diện tích đất (m ²) | Thời gian sử dụng | Mục đích sử dụng đất | Hiện trạng sử dụng | Đất thuê/ Sở hữu |
|---------|--|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | Tháp | | | | | |
| 16 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 1.028,6 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 17 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 546,9 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 18 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 2.704,4 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 19 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 3.766,4 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 20 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 3.192,4 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 21 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 16.367,4 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 22 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 10.337,2 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 23 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 2.375,0 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 24 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 3.085,0 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 25 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 12.320,1 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 26 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng | 7.290,1 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |



| St t | Địa chỉ | Diện tích đất (m ²) | Thời gian sử dụng | Mục đích sử dụng đất | Hiện trạng sử dụng | Đất thuê/ Sở hữu |
|---------|--|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | Tháp | | | | | |
| 27 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 22.657,4 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 28 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 10.608,9 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 29 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 34.679,5 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 30 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 10.457,0 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 31 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 4.059,3 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 32 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 4.291,9 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 33 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 12.476,4 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 34 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 18.637,2 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 35 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 11.208,7 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 36 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 11.228,7 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 37 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng | 11.191,0 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |



| St t | Địa chỉ | Diện tích đất (m ²) | Thời gian sử dụng | Mục đích sử dụng đất | Hiện trạng sử dụng | Đất thuê/ Sở hữu |
|------|---|---------------------------------|-------------------|----------------------|--------------------|----------------------------|
| | Tháp | | | | | |
| 38 | Xã Tân Thành, Lai Vùng, Tỉnh Đồng Tháp | 22.456,1 | 40 năm | Đất KCN | KCN Sông Hậu | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 39 | Xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp | 2.424 | 50 năm | SXKD phi NN | | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 40 | Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp | 5.848 | 08/05/2058 | Đất SXKD | | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 41 | Ấp Tân Lợi B, Xã Tân Quy Tây, Tx.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp | 4.378 | | SXKD phi NN | Kho Docifood 1 | Đất mua |
| 42 | 38 Lê Anh Xuân, Tp.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp | 70 | | Đất ở | Nhà ở | Nhận chuyển nhượng |
| 43 | Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Bắc Sông Xáng) | 4.200 | 50 năm | Đất SXKD | KCN Bắc sông xáng | Đất giao có thu tiền SDD |
| 44 | Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Bắc Sông Xáng) | 4.200 | 50 năm | Đất SXKD | KCN Bắc sông xáng | Đất giao có thu tiền SDD |
| 45 | Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Bắc Sông Xáng) | 4.200 | 50 năm | Đất SXKD | KCN Bắc sông xáng | Đất giao có thu tiền SDD |
| 46 | Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp (Bắc Sông Xáng) | 4.200 | 50 năm | Đất SXKD | KCN Bắc sông xáng | Đất giao có thu tiền SDD |
| 47 | Ấp Rọc Muồng, Xã | 59.999,7 | 50 năm | Đất | Kho | Đất giao có |



| St t | Địa chỉ | Diện tích đất (m ²) | Thời gian sử dụng | Mục đích sử dụng đất | Hiện trạng sử dụng | Đất thuê/ Sở hữu |
|---------|---|------------------------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| | Tân Công Chí, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp | | | SXKD | Docifood 6 | thu tiền sử dụng đất |
| 48 | Khóm Mỹ Tây - Thị trấn Mỹ Thọ - Huyện Cao Lãnh - Đồng Tháp | 403 | Đến hết 15/10/20 43 | Đất SXKD | Kho Đồng Tháp | Nhận chuyển nhượng |
| 49 | 252 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 295,0 | Đến 21/03/20 58 | Đất SXKD | Văn phòng | Đất thuê trả tiền hàng năm |

Nguồn: FDG

12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty:

Không có



VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá

- Cổ phần chào bán : **CTCP DOCIMEXCO**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Số lượng cổ phần chào bán : 2.675.960 cổ phần
- Phương thức chào bán : Đấu giá cả lô
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Giá khởi điểm bán đấu giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Bước giá : 100 đồng
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối thiểu : Tổng số lượng cổ phần chào bán (2.675.960 cổ phần)
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối đa : Tổng số lượng cổ phần chào bán (2.675.960 cổ phần)
- Thời gian phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá : - Từ **09 giờ** ngày **11/08/2014** đến **15 giờ** ngày **26/08/2014**
- Địa điểm phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá : **Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:**
Tại Hà Nội: Tầng 12, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Tại Tp.HCM: Lầu 1, số 70 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, Tp.HCM.
Tại Đà Nẵng: Tầng 2, Tòa nhà TCT, số 10 Hải Phòng, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.
Tại Tp.Cần Thơ: Tầng trệt, Tòa nhà Bưu điện, số 2 Đại lộ Hòa Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
Tại Vũng Tàu: Tầng trệt, số 27 Lê Lợi, Tp.Vũng Tàu.
- Nộp tiền cọc : - Từ **09 giờ** ngày **11/08/2014** đến **15 giờ** ngày **26/08/2014**
 - Nộp trực tiếp vào tài khoản hoặc chuyển khoản vào tài khoản:
 ➤ Tên tài khoản: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
 ➤ Số Tài khoản: 0011002550087 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch
 ➤ Nội dung: Họ tên/ Số CMT/Số ĐKKD/ ngày cấp, nơi cấp; Nộp tiền đặt cọc mua **2.675.960** cổ phần của Công ty Cổ phần Docimexco.
- Nộp Phiếu tham dự đấu giá : - Bỏ trực tiếp vào thùng phiếu tại các địa điểm quy định của VCBS tại: Hà Nội, Đà Nẵng, Tp.Cần Thơ, Tp.Vũng Tàu: Chậm nhất **16h00** ngày **29/08/2014**;



- Bổ trực tiếp vào thùng phiếu tại VCBS Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh: Chậm nhất **16h00 ngày 03/09/2014**;
- Đối với nhà đầu tư nộp Phiếu tham dự đầu giá bằng thư đảm bảo qua đường Bưu điện:
 - Ngoài bao thư nhà đầu tư ghi rõ “Phiếu tham dự đầu giá phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại CTCP Docimexco” cùng với tên và mã số nhà đầu tư và được gửi đến địa chỉ sau:
 - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lầu 1 và lầu 7, Số 70 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.
 - Phiếu tham dự đầu giá chỉ được chấp nhận khi thư bảo đảm của nhà đầu tư được bưu điện chuyển đến địa chỉ trên trước **16h00 ngày 03/09/2014**.
- Tổ chức đấu giá : - **09 giờ 00 ngày 09/09/2014**
 - Địa chỉ: Lầu 1, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp.HCM
- Nộp tiền mua cổ phần : - Từ **08 giờ 30 đến 15 giờ 30** các ngày làm việc từ ngày **10/09/2014** đến ngày **23/09/2014**.
 - Chuyển khoản hoặc nộp tiền trực tiếp vào Tài khoản:
 - Tên tài khoản: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
 - Số Tài khoản: 0011002550087 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch.
 - Nội dung nộp tiền/chuyển tiền: Họ và tên/Tên tổ chức - Số CMTND/Số ĐKKD (ngày và nơi cấp) thanh toán tiền mua **2.675.960** cổ phần của Công ty Cổ phần Docimexco.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc : Từ **08 giờ 30 đến 15 giờ 30** các ngày làm việc từ ngày **10/09/2014** đến ngày **18/09/2014**.



2. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Địa điểm công bố thông tin

Thông tin cụ thể liên quan đến Tổ chức phát hành gồm Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá và đợt đầu giá được công bố tại:



-  **Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**
 - Địa điểm: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Điện thoại: (04) 3936 6426 Fax: (04) 3936 0262
 - Tại website: www.vCBS.com.vn
-  **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**
 - Tại website: www.scic.vn

4. Điều kiện tham gia đấu giá, các quy định liên quan và phương án tổ chức

4.1. Điều kiện tham gia đấu giá

- Đối tượng tham gia đấu giá: là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:
 - **Nhà đầu tư trong nước:** là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
 - **Nhà đầu tư nước ngoài:** ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
- Có Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá đúng thời hạn quy định. (Mỗi đối tượng tham gia đấu giá chỉ được phép nộp duy nhất 01 Đơn đăng ký tham gia đấu giá trong một đợt tổ chức đấu giá).
- Đăng ký mua cổ phần với số lượng mua trong giới hạn quy định tại điều 5.2 dưới đây.
- Đặt cọc 30% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cùng thời điểm nộp đơn đăng ký đấu giá để đảm bảo cho số cổ phần đã đăng ký trên Đơn đăng ký tham gia đấu giá. Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.
- Những người sau đây không được tham gia đấu giá:
 - Thành viên SCIC trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp;
 - Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh;
 - Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;
 - Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty

mẹ - công ty con.

4.2. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

- **Đối với cá nhân trong nước:**

- Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận uỷ quyền, phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

- **Đối với tổ chức trong nước:**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
- Giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

- **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**

- Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.
- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Giấy uỷ quyền (nếu có);
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

5. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

5.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

- Phiếu do Ban tổ chức đấu giá phát hành và có đóng dấu treo của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định; Tổng số cổ phần đặt mua bằng tổng số cổ phần đăng ký;
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định;
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.

5.2. Bỏ Phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định.

6. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần

Ngay sau khi có kết quả đấu giá, kết quả đấu giá sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử www.vCBS.com.vn và www.scic.vn để các Nhà



đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng.
liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

**VII. THAY LỜI KẾT**

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/ thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đầu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đầu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

Tp.HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TRẦN QUỐC NAM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN
HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN

GIÁM ĐỐC CN.HCM

(Đã ký)

LÊ VĂN MINH